

Số: 12/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Lạt, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84
Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2025/TLST-
HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ *Người yêu cầu*: Anh **Lê Bá N**, sinh năm 1992

Hộ Khẩu Thường Trú: Khu Phố 4, Phường P, Quận O, Thành Phố Hồ
Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: Số 58, đường Đ, Phường D, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm
Đồng.

+ *Người yêu cầu*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, Xã Đ, Huyện L, Tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ tạm trú: Số 5, đường Đ, Phường D, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm
Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H xây dựng
gia đình với nhau vào năm 2019, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ
cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã
Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh
phúc trong khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn
do bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không thể
giao tiếp với nhau cũng như không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, từ năm
2023 cho đến nay cả hai đã tự sống ly thân nhau. Nay anh Lê Bá Ni và chị

Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cả hai thống nhất thỏa thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị H. Xét thấy, yêu cầu của anh N và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Bá Khoa N, sinh ngày 08/05/2020. Ly hôn, anh N và chị Hằng thống nhất thỏa thuận giao con chung là Lê Bá Khoa N cho anh Lê Bá N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 04/2025 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định pháp luật. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh N và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của anh N và chị H.

[3] Về tài sản chung: Anh N và chị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh N và chị H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Lê Bá Khoa N, sinh ngày 08/5/2020 cho anh Lê Bá N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 04/2025 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

- *Về tài sản chung*: Anh N và chị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

- *Về nợ chung*: Anh N và chị H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh N và chị H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001765 ngày 14 tháng 2 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh N và chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà